TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 04, 22/01 – 26/01/2024

Điều chỉnh lành mạnh

Tiêu điểm:

- Cập nhật lợi nhuận quý 4/2023: 39/91 ngân hàng và công ty thuộc ngành Tài chính ghi nhận mức tăng trưởng cao 16.4% trong khi lợi nhuận sau thuế của 433/1518 doanh nghiệp Phi tài chính giảm quý thứ 5 liên tiếp -11.8%.
- GDP Mỹ tăng 3.3% trong quý 4/2023, vượt dự báo của Phố Wall là 2%. Tại quý 3, mức tăng trưởng là 4.9%. Xét trên cả năm, nền kinh tế Mỹ tăng trưởng 2.5%, cũng vượt xa mức ước tính từ Phố Wall.

Đánh giá: Dữ liệu GDP của Mỹ 2023 cho thấy kinh tế Mỹ có sự tăng trưởng tốt hơn kì vọng khi cuộc chiến chống lạm phát vẫn còn. Chúng ta có thể tự tin rằng kịch bản hạ cánh mềm có xác suất xảy ra rất cao. Nhìn về lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trong nước, cũng có thể thấy bức tranh phục hồi dần rõ nét hơn. Ngoài ra, khối ngoại đã quay lại mua ròng trong 10 phiên gần đây. Với các thông tin hỗ trợ trên, dù VNINDEX có sự chững lại trong tuần rồi nhưng chúng tôi cho rằng đây là sự điều chỉnh lành mạnh, thị trường vẫn trong xu hướng tăng tốt.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tại 1,175.67 (-5.83 điểm, -0.49%) điều chỉnh nhẹ khi nhóm ngân hàng có dấu hiệu chốt lời. Xu hướng tăng vẫn duy trì tốt khi các đường EMA đều xếp theo thứ tự. Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ tham chiếu là vùng 1220 và 1160.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư tiếp tục chú ý những nhóm ngành được hưởng lợi trong giai đoạn này như ngân hàng, bất động sản và bán lẻ khi hàng loạt những thông tin tích cực đang hỗ trợ nhóm này. Tuy nhiên, tâm lý rút tiền "ăn tết" của thị trường có dấu hiệu xuất hiện, nhà đầu tư nên ưu tiên nắm giữ và hạn chế mua mới với những mã cổ phiếu đã tăng nóng.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,176	-0.5	4.8	11.4	4.0		15.6	1.7	193
Upcom Index	88	0.3	1.7	5.9	0.8		12.6	1.3	45
HNX Index	229	0.0	-0.8	6.7	-0.7		24.1	1.2	12
VN30 Index	1,183	-0.2	6.0	11.1	4.5		12.2	1.6	136
S&P 500 Index	4,894	1.1	2.5	18.3	2.6		23.5	4.6	42,768
STOXX Europe 600 Index	482	2.7	0.9	11.3	0.6		13.7	1.8	13,831
Hang Seng	15,952	4.2	-2.4	-6.4	-6.4		8.5	0.9	2,441
Nikkei 225	35,751	-0.6	7.3	16.8	6.8		29.8	2.0	4,411
SHCOMP Index	2,910	2.8	0.4	-2.6	-2.2		13.4	1.2	6,133
STI Index	3,160	0.2	0.6	2.9	-2.5		11.0	1.1	361
KOSPI Index	2,479	0.2	-4.8	7.8	-6.7		17.2	0.9	1,449

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
(84-28) 6299 7603
nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-0.3	5.4	4.7	-11.0	-14.5	-11.4	79.0	-0.2	13.5	1.8	4,170,763
Mid Cap	-0.1	2.9	2.2	-12.0	-22.5	-19.3	18.7	-0.3	26.0	1.2	508,075
Small Cap	-5.2	-16.0	-16.6	9.6	12.9	24.3	2.3	0.4	91.6	0.8	71,431

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Tài nguyên cơ bản	1.8	2.2	1.5	10.2	-0.2	-0.7	10.3	1.9	2000.0	1.5	215,008
Tài chính	1.6	6.1	5.1	-13.0	-20.0	-25.3	15.7	-0.5	22.4	1.7	190,488
Ô tô & Phụ tùng	1.1	0.7	0.6	-12.7	-24.2	-7.2	0.4	0.0	17.7	1.1	14,700
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8	4.7	4.2	-26.9	-24.6	-4.1	1.0	-0.2	15.2	1.8	55,589
Du lịch và Giải trí	0.3	-1.3	-1.3	0.0	-27.9	-24.1	0.7	0.1	n.a	13.0	95,281
Thực phẩm và đồ uống	0.1	-1.9	-2.2	5.1	-17.8	-14.0	7.9	1.2	27.6	2.4	417,199
Hóa chất	0.0	1.8	-0.6	19.7	-8.6	-11.4	3.7	0.9	17.3	1.5	176,899
Công nghệ Thông tin	-0.4	-1.5	-0.8	-14.1	-16.6	-16.0	1.5	-0.1	20.1	3.2	136,133
Dầu khí	-0.5	-0.3	-0.6	-26.9	-30.5	-38.4	0.8	-0.2	17.9	2.1	59,206
Ngân hàng	-0.5	12.2	11.3	-20.0	-10.9	25.1	25.8	-3.1	10.0	1.8	1,914,272
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.5	0.2	0.0	-28.7	-44.4	-43.4	3.7	-1.0	12.7	1.3	130,283
Xây dựng và vật liệu	-0.5	-6.7	-6.0	-4.4	-14.4	-11.7	6.6	0.4	59.0	1.3	128,315
Bảo hiểm	-0.6	2.9	2.8	-30.8	-21.7	-7.3	0.2	0.0	14.3	1.3	41,888
Dược và Y tế	-1.1	3.2	0.5	10.7	-24.7	-17.0	0.1	0.0	13.6	2.2	34,819
Bất động sản	-1.2	-0.7	-2.3	-3.5	-13.3	-26.9	16.2	1.1	6.9	1.2	721,042
Bán lẻ	-1.3	4.3	3.5	-18.7	-1.2	-1.5	4.2	-0.4	78.5	3.0	96,301
Tiện ích	-1.3	1.0	1.8	-15.8	-25.0	-12.6	1.1	-0.1	13.8	1.9	302,702
Truyền thông	-1.4	-3.5	-10.0	-38.2	-56.4	-48.5	0.0	0.0	42.9	1.0	1,926

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,421**	-36.6	-71.8	-145.1	-88.6
Nước ngoài	**2,396**	-35.7	-61.9	-90.5	49.2
VanEck Vectors Vietnam ETF	520	0.0	-1.9	-12.7	69.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	838	0.0	4.9	51.5	69.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	451	-21.2	-53.2	-150.8	-150.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	353	0.0	2.7	6.0	70.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	205	-13.8	-13.8	16.4	-7.4
Premia MSCI Vietnam ETF	14	-0.6	-0.6	-0.9	-1.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,025**	-1.0	-9.9	-54.6	-137.8
DCVFMVN Diamond ETF	573	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	323	-1.7	2.7	15.5	-40.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	88	0.8	-12.6	-71.1	-98.3
MAFN VN30 ETF	25	-0.1	-0.1	-0.1	-1.1
SSIAM VNX50 ETF	7	-0.1	0.1	0.3	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.8	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	-978	-3,229	-3,229	-3,229
Indonesia	33	440	440	440
Nhật Bản*	1,936	12,285	12,285	12,285
Maylaysia	13	92	92	92
Philippines	2	65	65	65
Hàn Quốc	609	1,985	1,570	1,985
Sri Lanka	0	-5	-5	-5
Đài Loan	2,889	1,054	1,054	1,054
Thái Lan	-242	-730	-730	-730
Việt Nam	32	45	45	45

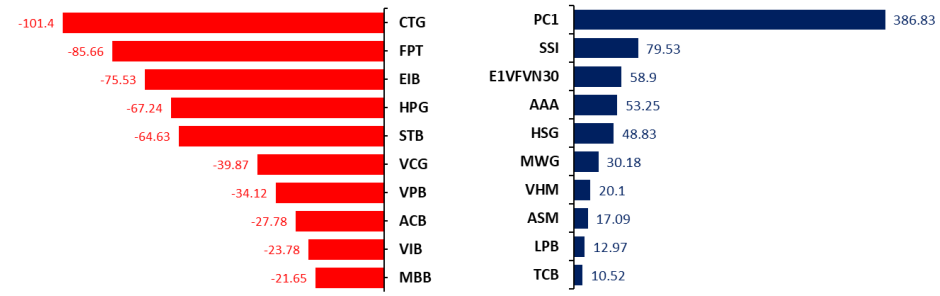
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

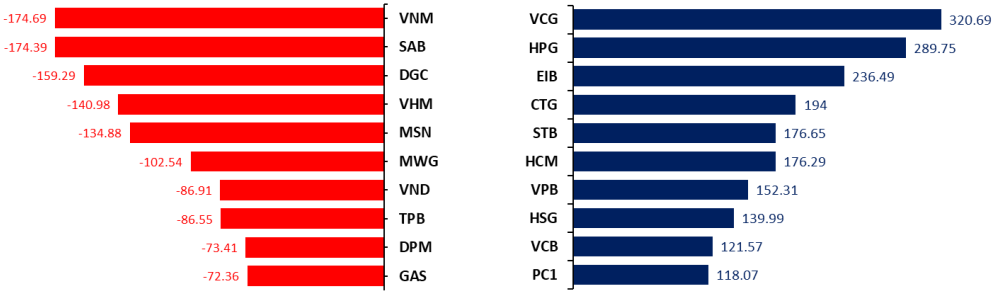
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	27	80	-301	221
Tài nguyên Cơ bản	-23	260	-563	303
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3	32	9	-42
Y tế	-1	1	-4	3
Hóa chất	67	-260	209	51
Dịch vụ tài chính	163	186	-120	-65
Du lịch và Giải trí	-4	-12	30	-18
Ngân hàng	-384	682	-310	-372
Xây dựng và Vật liệu	356	335	-149	-185
Thực phẩm và đồ uống	18	-374	448	-74
Bán lẻ	25	-188	149	38
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3	-75	87	-11
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1	-24	3	21
Công nghệ Thông tin	-86	6	58	-64
Ô tô và phụ tùng	0	-24	36	-12
Bảo hiểm	5	-3	0	3
Dầu khí	0	29	-27	-2
Tổng	169	652	-446	-206

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SFC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.85 - 25.40	19.8	-15.8%
2	APC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.05 - 13.95	8.2	-13.5%
3	STG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.15 - 56.20	45.6	-12.3%
4	FIR	Bất động sản	9.63 - 36.75	9.8	-11.7%
5	TDP	Sản xuất nông nghiệp	24.48 - 33.30	25.4	-8.5%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.6%	34.2	22.90 - 34.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	QNP
25.4%	9.6	5.38 - 9.71	Hóa chất	HCD
17.2%	53.9	26.35 - 53.90	Hóa chất	CSV
17.0%	7.2	3.62 - 7.59	Dịch vụ tài chính	TVB
16.2%	53.9	33.50 - 48.45	Hóa chất	VFG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TKG	Tài nguyên Cơ bản	5.20 - 16.50	10.4	-21.8%
2	HHC	Thực phẩm và đồ uống	68.50 - 143.00	82.3	-18.8%
3	NBW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.00 - 29.80	23.8	-16.8%
4	ATS	Du lịch và Giải trí	8.50 - 19.80	16.6	-16.2%
5	SAF	Thực phẩm và đồ uống	43.30 - 71.80	49.0	-14.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
40.0%	2.8	1.30 - 3.00	Tài nguyên Cơ bản	KSQ
27.8%	4.6	1.90 - 5.40	Bán lẻ	TTH
26.8%	10.4	7.60 - 15.10	Xây dựng và Vật liệu	VE3
24.2%	7.7	3.00 - 7.70	Bất động sản	V21
20.8%	11.6	5.80 - 13.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NAP

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	QNT	Xây dựng và Vật liệu	3.70 - 18.90	7.7	-49.3%
2	DCT	Xây dựng và Vật liệu	0.50 - 1.10	0.5	-28.6%
3	CCP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.50 - 35.30	14.8	-27.5%
4	VDN	Hàng cá nhân & Gia dụng	11.00 - 25.60	12.2	-26.5%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	3.90 - 9.50	3.9	-25.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
100.5%	81.6	30.80 - 81.60	Hàng cá nhân & Gia dụng	D17
100.0%	49.4	14.20 - 49.40	Hàng cá nhân & Gia dụng	NEM
75.4%	10.0	2.40 - 11.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TIE
53.8%	8.0	4.10 - 8.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NAU
46.7%	6.6	2.80 - 7.10	Bán lẻ	HVA

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	VFG	Khử trùng Việt Nam	Hóa chất	2,197.1	536.8	47.8	33.50 - 48.45	16.2
2	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	3,916.6	297.6	52.0	40.10 - 53.10	0.2
3	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	743.0	204.5	69.5	64.00 - 78.00	-0.3
4	RAL	Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Hàng cá nhân & Gia dụng	7,414.5	112.6	115.0	82.30 - 124.90	-7.0
5	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4,130.8	107.8	25.4	24.48 - 33.30	-8.5
6	PC1	Tập đoàn PC1	Xây dựng và Vật liệu	117,706.6	74.5	28.4	19.74 - 29.57	5.6
7	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	5,409.1	71.4	48.6	46.45 - 62.10	3.3
8	POM	Thép Pomina	Tài nguyên Cơ bản	10,995.1	65.9	5.4	4.23 - 9.04	3.8
9	SJS	SUDICO	Bất động sản	20,633.6	65.7	67.9	39.20 - 74.00	-1.3
10	BMP	Nhựa Bình Minh	Xây dựng và Vật liệu	19,066.4	63.6	105.0	56.00 - 113.40	-2.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

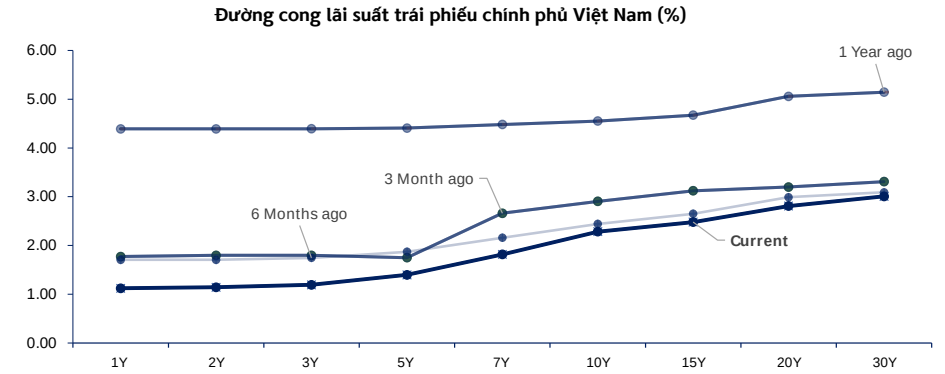
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	103.55	0.3	2.1	-2.9	2.2	
VND/USD	24,608	0.2	1.2	0.0	1.4	
KRW/USD	1,336.30	-0.2	3.2	-1.7	3.7	
JPY/USD	147.86	-0.2	3.8	-1.7	4.8	
EUR/USD	0.92	0.5	1.8	-2.6	1.8	
SGD/USD	1.34	0.0	1.3	-2.1	1.5	
CNY/USD	7.18	-0.2	0.5	-1.9	1.1	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	76.65	4.4	1.4	-7.9	7.0	
Xăng	222.82	3.0	3.2	-1.2	6.0	
Gas	2.64	4.9	3.6	-17.8	5.1	
Than	126.80	-1.6	-12.9	-5.0	-13.4	
Vàng	2,020.09	-0.5	-2.3	1.8	-2.1	
Bạc	22.87	1.1	-5.6	0.3	-3.9	
Platinum	897.74	-0.6	-8.7	-0.9	-9.5	
Quặng sắt	135.54	-0.4	0.0	14.4	-0.6	
Thép cán	4,085.00	1.0	-0.1	7.1	0.2	
Lúa mì	607.25	2.4	-4.6	4.8	-3.3	
Ngô	449.25	0.8	-6.5	-6.3	-4.7	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.12	1.14	1.19	1.40	1.82	2.28	2.48	3.12	2.65
Thay đổi (BPS)*	-1.20	-1.20	-1.20	-1.90	-0.70	4.10	3.70	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.